KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5
(Phần cuối)

Ba là Như pháp v.v... trở xuống, là câu sau nói về Trung quán, dùng hai quán v.v... là nói hành tướng An trụ. Nói đủ ba quán. Nếu chẳng phải một tâm quán Thể thì là tung, nếu chẳng dùng hai làm phương tiện thì trung là chân thật, quán thể là hoành. Nay nói ba quán chẳng dọc, chẳng ngang, như thế mà tu, liền sinh ra pháp an trụ mười cõi. Như ở biển tánh, thì tức là tu thành tánh, công phu do năng lực một tâm ba quán. Nên Kinh Khê nói vì dùng Chánh quán mà an cho nên Thế đế mới thành không thể suy nghĩ bàn luận. Đây thì ngăn cả Trung đạo, chiếu cả hai đế nên gọi là đều nhận chịu, ngăn là ngăn tình, chiếu là chiếu tánh, bên tình đã mất thì hai Đế đều Trung. Trung đã chẳng nghiêng lệch, cho nên không giả đều gồm tất cả. Kinh nói đối với tất cả pháp thọ nhận tất cả pháp. Chẳng dùng song chiếu Trung đạo để giải thích, vì ý kinh chẳng hiển bày.

- Nếu ba v.v... trở xuống là kết quán tên mật, có hai:

1. Phân biệt về chẳng đúng.

2. Tức nhất v.v... trở xuống là bày mật. Tức một mà ba nên chẳng phải một, tức ba mà một nên chẳng khác. Dọc ngang đều khác, chẳng phải so sánh mà biết. Muốn biết v.v... là gồm dùng miệng mật để kết văn này.

- Y theo năm câu kế đối riêng ba thoát. Ở đây là nói Tán Chi tự hiển bày bản địa. Đã chứng giải thoát mà gồm ba đế, đã chứng giải thoát là do thấy đế.

- Trước nhắc lại văn bày nghĩa.

- Hiện thấy v.v... trở xuống là y nghĩa giải thích câu, có ba:

1. Câu một là bày viên tịnh, thật trí chiếu Chân-đế không thể suy nghĩ bàn luận, là thể của Chân-đế, là tánh đức Bát-nhã, toàn tánh khởi tụ gọi là Thật trí. Đế chẳng phải Bát-nhã làm sao phát Thật trí. Đế này lìa trói buộc liền thành phần mãn viên tịnh giải thoát, phải phân biệt lý

quả trước sau như một.

2. Ba câu bày phương tiện thanh tịnh, tùy cơ khuất khúc nhân quả hưng phế, đều là quyền trí chiếu tục đế không thể suy nghĩ bàn luận. Tục đế thể là tánh đức giải thoát. Toàn tánh khởi tu thì gọi là quyền trí. Lìa phược liền thành phần mãn phương tiện thanh tịnh giải thoát. Lý quả chẳng hai y theo trước có thể biết.

3. Một câu sau là trình bày tịnh tánh. Trước nói Trí quang cho đến Trí tụ, bốn tên chỉ vời Trí năng chiếu. Chỉ trí cảnh này cũng nêu Trí Thể là nghĩa đế lý sẽ được chiếu. Cho nên kinh pháp được dẫn là Trí như như. Trí này thầm như như với pháp, ý này và Cảnh trí như chẳng hai. Song đây nói người đều biết, chỗ giải thích trọn thành hai phân biệt bỏ ngoan cảnh và vọng tâm Thiên tiểu giả lập Chân như. Cảnh này làm sao là một với trí được. Nay y theo minh mà lập Cảnh Thể, đó gọi là Bản giác, còn Trí Thể gọi là Thỉ giác, nên luận Khởi Tín nói: Nói nghĩa giác, nghĩa là Tâm thể lìa Niệm, lìa Niệm tướng, như hư không chẳng đâu chẳng khắp, đâu có một thời, một trần, một tâm nào chẳng phải là Bản giác và thỉ giác ư? Cho nên được nói: ba đời mười phương sinh Phật y chánh là Trí năng quán. Cảnh Trí tên khác nhưng thể nó chẳng khác. Cho nên năng sở hai mà chẳng hai. Cảnh chiếu ở cảnh, cảnh chiếu ở Trí, Trí chiếu ở Trí, Trí chiếu ở cảnh. Bốn câu này nói tức không nói mà nói. Cảnh trí này gọi là không thể suy nghĩ bàn luận ư? Trí Cảnh này phải nói về sáu tức, ở đây là Phần chân, rốt ráo hai vị.

- Nếu ba v.v... trở xuống là kết thoát gọi là mật, có hai:

1. Phân biệt về không phải.

2. Vì bất v.v... trở xuống là bày Mật, đều lệ ở trước, ba là y cứ năm câu sau riêng đối ba thân, lại có:

1. là nhắc lại văn bày nghĩa.

2. Chánh giải v.v... trở xuống là y nghĩa giải thích câu, có ba:

Một là hai câu bày báo, chính là giải thích thể năng hiển v.v... ở đây giống như giải thích thể hiển bày chân. Chân thể là tánh đức Bát-nhã. Đã được hiển phát tức là năng quán. Vì hiểu vô minh căn bản nên gọi là chánh quán. Mà nói Báo thân là ở tâm thì gọi là quán, ở thân thì gọi là báo, bốn mươi hai vị đều được nói.

Hai là Đắc chánh v.v... trở xuống là hai câu bày Ứng, phân biệt y theo pháp mà biết thuốc bệnh. Giải duyên y theo cơ chưa thành thục mà sinh. Không phải phân biệt này thì không có Ứng thân, cho nên Ứng thân đối cơ chưa thuần thục mà xuất ra, hiện ra, sinh ra, gọi là đãi thời. Đã phát rồi mới xuất ra thì gọi là quá thời, kêu mổ cùng lúc là tướng

Ứng cơ.

Ba là Một câu bày pháp vô giác v.v... Nghĩa bày phải đối Báo Ứng mà phân biệt. Chỉ một Đại giác mà có tịch chiếu và phi tịch chiếu ba thứ khả năng, nên gọi là ba thân. Giác là Chiếu giác. Lý năng chiếu, tức là Báo thân, vô giác tức bệnh giác mà năng hiện hành, tức là Ứng thân. Nay nói vô giác là bất giác, tức chẳng phải chiếu, chẳng phải tịch giác, năng song vong, song dụng nên gọi là rốt ráo giác, tức là pháp thân. Cho nên ba thân gọi là ba Phật. Ba thứ liễu cũng giống như thế. Ở thân thì gọi là giác, ở tâm thì gọi là Liễu, ba nghĩa rõ ràng.

Kế là Như thế v.v... trở xuống là Kết thân, gọi là Mật, có hai:

1. Phân biệt về chẳng phải.

2. Phi nhất v.v... trở xuống là y cứ hợp đối Đề, có hai:

Một là hợp ba Đức. Đối đề văn ở trên, y theo Chánh là nói về ba thân. Quán là nói ba quán. Thoát là nói ba thoát.

Kế là ba đều có thế đối với Kim quang minh. Đây là nói Lìa. Nay hợp ba thân thành một pháp thân, chỉ đối chữ Kim mà hợp ba quán thành một Bát-nhã. Chỉ đối chữ quang hợp với ba thoát thành một giải thoát. Chỉ đối với chữ Minh. Các kinh các luận dùng ba đức v.v... làm tu hai tánh một để nói. Người viên giáo hiểu là hợp ba nghĩa. Ý này rất mầu nhiệm, người học nên biết.

2. Ba Đức v.v... trở xuống là nói năm chương đều mật. Ba đức là chỗ Phật chứng Mật tạng. Vì trùm các căn cơ nên nói kinh Kim Quang Minh là giáo vi mật. Tán chỉ vốn nhờ bẩm Mật giáo này mà sinh mật giải, tức là nghe tên mật, trụ Lý chính là tu Mật tông, lợi tha chính là khởi mật dụng. Chẳng nói giáo là đồng với Phật.

- Lại nữa v.v... trở xuống là nói thông nhau. Tuy là ba thân, ba thoát, ba quán, ba tiết giải mà mười lăm câu mỗi câu đều là biển Kim quang minh thể lượng cao rộng, cho nên khiến danh nghĩa xoay vần mà giải thích nhau như trăm câu giải thoát trong Niết-bàn, vì mỗi câu đều là ba đức Tạng vi mật. Cho nên Đại Sư giải thích mỗi câu đủ trăm thành muôn. Nay nêu Chánh giải đủ mười bốn câu hay đủ thành mười lăm câu. Họp rằng do Chánh giải nên Chánh quán, do Chánh giải nên được Chánh phân biệt, do Chánh giải nên được Chánh giải. Đối với duyên do Chánh giải nên chành năng giác liễu, do Chánh giải nên bất tư nghì Trí quang, cho đến do Chánh giải nên đối với tất cả pháp bao gồm lãnh thọ tất cả pháp. Dùng một câu chánh giải làm đầu đã thế. Các câu khác làm đầu cũng so sánh theo đây, thành một trăm bảy mươi lăm câu. Vì thể lượng nhất quán cho nên tướng Danh nghĩa thành. Sớ ở ba, năm đều

nêu câu đầu so sánh với bốn cầu đều thành mười lăm câu. Chú v.v... khiến đây tiêu thích.

- Lại làm v.v... trở xuống là dùng năm tánh để giải thích Sở dụng. Năm thứ đều gọi là Phật, là quả đức nên đều gọi như thế. Tánh là không thay đổi. Nếu dùng năm thứ này đối nghĩa ba tiết thì năm câu này là năng hiển tán chỉ bản, chứng viên thường, tích dụng cùng khắp. Hộ kinh đức diệu, lợi người càng sâu. Đây chính là các nhà hiện nay đối mà giải thích ý.

Văn có hai:

1. Đại Sư đối năm câu đầu, có hai: một là bày năm tánh đồng khác, có hai: một là nói ba thư chẳng khác, Chánh là Trung Chánh, Duyên là trợ duyên, Liễu là giác Liễu. Ba Danh nghĩa này thầy lập đồng nên nói là chẳng khác.

2. Lại một v.v... trở xuống là nói hai tánh hiện ra và mất đi, có hai: một là hai nhà lập khác, có hai:

1. nói tướng khác. Quả tánh là duyên sở khắc trí dứt quả. Cảnh quả là Duyên liễu sơ chuyển cảnh giới, tức là Ấm v.v... mười thứ Cảnh. Quả và quả quả là, quả thì riêng ở Trí Đức, quả quả thì ở dức dứt cho nên nói quả quả. Hai thứ này đều gọi là tánh, đều lấy thường trụ chẳng thay đổi làm nghĩa. Cảnh giới chẳng đổi, là tu ác tức Tánh ác.

2. Nếu làm v.v... trở xuống là nói khai họp. Mỗi cảnh giới là duyên, thuộc về duyên nhân. Mười cảnh như ấm v.v... là Chánh quán cận phương tiện pháp, thân phát liễu nhân nên có thể thuộc về Duyên nhân. Một quả quả tánh là thuộc về quả tánh. Trí đoạn tuy khác đều gọi là quả.

- Tuy khai v.v... trở xuống là năm số chẳng thiếu.

- Nay dùng v.v... trở xuống là y theo năm câu đối tánh, có hai: một là đối với Nhà đầu, năm tánh an vui tánh tức Chánh nhân Phật tánh. An vui chính là nghĩa Niết-bàn đầy đủ ba pháp. Nay nói theo hợp thì chỉ gọi là Chánh nhân. Thế gian, xuất thế gian v.v... thì sáu đường là nhân quả thế gian, ba thừa là nhân quả xuất thế gian. Nói nhân Phật tánh, là tánh cảnh giới, chỉ bằng chín giới mười như, pháp ấy đối với Phật là nhân. Vì cõi Phật mười như là pháp vọng chín nên gọi là quả, đều thuộc năng quán, chẳng gọi là cảnh giới. Cho nên luận Khởi Tín chỉ dùng chín tướng mà làm cảnh giới. Cho nên nghiệp tướng gọi là Tế của Tế, là Cảnh giới Phật. Lại nói: Vì y chuyển thức nên gọi là Cảnh giới, mà chứng này thì chẳng có cảnh giới nào để nói. Cho nên biết cảnh giới là chín pháp giới, nếu thế sao gọi là Phật tánh? Bởi vì quả người riêng

thành tựu mười pháp Phật giới, cũng có khi thành tựu mười pháp, chín giới. cho nên ngàn pháp chúng sinh tuy có đủ Thể, Dụng nhưng chẳng hiển bày, chỉ có Phật là rốt ráo viên dung tự tại. Do đó nhân pháp là quả nhân tánh.

- Nếu làm v.v... trở xuống là đối nhà kế. Năm tánh cảnh giới đã dùng hợp mà vào nhân duyên bèn lấy câu biết giới hạn pháp, mà làm quả tánh, biết hết thật tướng gọi là Trí chiếu rõ ràng, thấy giới hạn là không giới hạn. Như nói biển lớn Trí độ Phật biết tận đáy, há không phải không đáy mà làm đáy ư? Bèn lấy an trụ các pháp như tánh tất cả đều làm thọ tất cả, đồng gọi là quả quả tánh. Đây thì quả sau nhậm vận, mãi mãi song già song chiếu.

- Nếu thế v.v... trở xuống là Chương An lệ năm câu, có hai:

1. Lệ trên hợp đối.

2. Sư tuy v.v... trở xuống là y theo nghĩa để giải thích. Năm tánh chỉ là khai ba pháp, ba phen năm câu đã nhiều phen đối với ba pháp, cũng hợp với từng phen đối với năm tánh. Hai phen sau Đại Sư chẳng giải thích, ý nói là thấy. Chương An sợ người học đời sau chẳng biết nên lược chỉ rằng nghĩa lệ phải như thế. Lại khiến người giảng giải thích rõ nghĩa ấy, cho nên cần phải giải thích ra. Trong phen thứ hai, Trí Quang là Liễu nhân tánh. Trí cảnh không xen lạm như đuốc chiếu vật. Trí hạnh là tánh nhân duyên, trí tụ là tánh quả, trí cảnh là tánh chân nhân. Nếu y theo Sư kế thì có tánh của một cảnh giới, cho nên Trí cự làcảnh giới nhất tánh, Trí cự là quả quả tánh, vì Dức dứt đối với cơ chẳng lạm. Trong phen thứ ba, Chánh giải hiển thể là Liễu nhân Tánh. Chánh quán thể hiện đáng là Báo thân, hợp thành quả tánh. Chánh phân biệt là cảnh giới tánh. Chánh giải ở duyên là duyên nhân tánh, Chánh năng giác liễu là chánh nhân tánh. Nếu y theo thầy thứ hai là cảnh giới nhất tánh thì dùng chánh năng phân biệt làm quả quả tánh, quả sau ứng cơ nhậm vận rõ ràng.

- Thế Tôn đã bày v.v... trở xuống là kết.

- Từ thế v.v... trở xuống là phát thệ làm ích lợi, có hai: một là chia văn bày tốt, hai là y theo đây giải văn, lại có:

- Ích Năng hóa kinh, có ba:

1. Thế Tôn v.v... trở xuống là lợi ích khẩu nghiệp.

2. Chúng vị v.v... trở xuống là lợi ích Thân nghiệp.

3. Tâm tấn v.v... trở xuống là lợi ích ý nghiệp.

- Cho nên v.v... trở xuống là lợi ích kinh Sở hóa, có ba:

1. là chưa gieo trồng khiến gieo trồng.

2. Nếu có v.v... trở xuống là đã trồng khiến chín.

3. Vô lượng v.v... trở xuống là đã chín khiến giải thích thoát.

Hỏi: Đã được nhóm trí lại nhiếp nhóm phước đây chính là hai thứ trang nghiêm chân tự. Hợp ở phương tiện và cõi Thật báo. Sao kinh nói chỉ vô lượng ngàn kiếp hưởng vui cõi người, cõi trời?

Đáp: Phải biết mười ích đều chẳng lìa hai mươi lăm hữu. Trong đây chính là phương tiện trời, người, Thật báo trời, người. Cho nên kinh Nhân Vương Bát-nhã chép: Ngoài ba cõi lại có cõi chúng sinh. Ở đây ngoại đạo có nhiều kinh nói phải biết bốn Độ hoặc ngang hoặc dọc chỉ ở một chỗ ba cõi mà nói, người học phải xét. Bốn. Từ Nam v.v... trở xuống là quy Kính Tam bảo. Tất cả chúng sinh kinh sợ đều quy kính, nghĩa là kết tập kinh đều nói quy kính ở lời tựa chung ở trước. Trung quốc ưa lược bỏ nên người dịch bớt đi. Cũng có người còn giữ, như Tát-già Ni-càn Tử nói: Quy mạng Đấng Đại Trí Hải Tỳ-lô-giá-na Phật. Chú thích rằng: Tất cả kinh nước ngoài ở đầu đều có câu này. Các luận v.v... trở xuống tức là người soạn luận nói lời quy kính, như Trí độ, khởi Tín v.v... Tam bảo tức là Phật, Pháp, Tăng nên biết. Công Đức Đại biện tức Bồ-tát lý hòa Tăng. Nam-mô, Hán dịch là quy mạng.

- Chánh luận thiên tập là nói vui cõi người ngày xưa thông kinh, như sau:

- Phẩm Chánh Luận, có hai:

- Giải thích tựa đề, có hai:

- Là chánh giải thích tựa đề, có hai:

1. Giải thích thẳng hai chữ, Thế Thánh (bậc Thánh thế gian) là Luân vương. Kinh Dịch nói Bí vật trí dụng lập công thành khí, cho là làm lợi ích thiên hạ không gì hơn bậc Thánh. Quản Tử nói: Bậc Thánh như trời vô tư che trùm, như đất vô tư chuyên chở. Đây đều là nói bậc Thánh thế gian. Bậc Thánh Xuất Thế tức là người chứng quả ba thừa, dứt hoặc chứng chân gọi là Thánh. Hạch: Thuyết văn nói là khảo tìm sự thật. Hạch Sự thật thì Thế gian chánh luận có thể trị nước, Hạch lý thật thì xuất thế gian chánh luận có thể đến Đạo.

2. Phẩm này v.v... trở xuống là nói rõ bốn Tất. Nghĩa là chánh luận Thế gian mà có bốn ích, đều dẫn Hiếu kinh kết thành nghĩa ấy. Văn có bốn:

1. Thế giới, pháp xưa của Tiên Vương tức là sự thật thế gian đời đời chẳng giống nhau, tức là ý thế giới.

2. Vương hành v.v... trở xuống là người. Trăm giống lúa, vật lý luận của Dương Tuyền chép: Lương là tên chung của các loại lúa thóc,

thúc là tên chung của các thứ đậu, ba thứ cốc đều có hai mươi, thành sáu mươi thứ. Sơ là hạt của trái, trợ cốc đều có hai mươi, nên thành trăm giống lúa. Xã Tắc, Hiếu Kinh nói: Xã là chủ đất, Thổ địa rộng chẳng thể kính hết nên phong Thổ làm xã để đền ơn. Tắc là lớn nhật của năm giống thóc, các thóc chẳng thể khắp cúng tế nên lập thần Tắc để cúng tế. Lễ ký nói con của họ Lệ Sơn là Trụ và Chu, bỏ mà làm thần Tắc. Con của họ Cộng là Hậu Thổ làm Xã. Dân dụng Hòa mục là người dân kính phục giáo ấy nên sống hòa mục có tôn ty trên dưới không thù oán nhau.

3. Đối Trị: Nội gian tức là loạn thần tặc tử. Khổng An Quốc nói: bên trong gọi là gian, bên ngoài gọi là Cừu. Họa loạn v.v... trở xuống là Họa, nghĩa là người lành gặp tai ương. Loạn nghĩa là bề tội nghịch loạn. Tai họa trái trời thì gió mưa không điều hòa. Hại trái với đất thì nước khô hạn, hại mầm móng lúa.

4. Đệ-nhất-nghĩa: Kinh Kim quang minh này tức là phẩm Tứ Vương nói làm việc nước, tạo luận đời đều nhờ kinh này. Chí Đức yếu Đạo, Chí là Lý cùng cực, yếu là nghĩa lấy một gồm đông. Tức Chánh luận này là pháp cũ của Tiên vương, là cùng cực của Đức, chí yếu của Đạo. Ba thứ trước đều thuộc Thế gian, lại chưa giải thích. Nay cái thứ tư này gồm cả xuất thế, cho nên cùng nói nghĩa gốc ngọn, khiến người nghe giải ngộ được hai thứ Đệ-nhất-nghĩa. Độn là chỉ được yếu đạo thế gian, đây là ngọn. Lợi là ngộ yếu Đạo xuất Thế. Đây là gốc. Tăng ích Thiên Đức cũng phải hai phần. Từ ngọn lợi ích gốc chỉ là sinh thiên, từ gốc lợi ích ngọn thì đến Nghĩa thiên, cũng gồm các Tịnh Thiên. Vì Kim Quang Minh thuộc về Thông giáo.

- Văn này v.v... trở xuống, là ý nói về Minh Thánh tức các trời là Minh Thánh. Cho nên Pháp Hoa Tam-muội chép: Tất cả minh không, như sau:

- Giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích, lại có:

1. Văn xuôi. Kinh trời được vị quán Đảnh là kinh Hoa Nghiêm quyển ba mươi chín chép: vua Chuyển luân sinh ra thái tử, mẹ là Chánh hậu thân tướng đầy đủ. Vua Chuyển luân ấy khiến thái tử này ngồi tòa Diệu kim trên voi trắng, giăng màng lưới lớn, dựng cờ pháp lớn đốt hương tán hoa tấu nhạc. Đựng nước bốn biển lớn trong bình vàng. Vua chế nước trong bình lên đầu thái tử, lúc đó gọi là nhận chức vua, trong số quán Đảnh Sát-lợi có thể thực hành đầy đủ mười điều lành, cũng được gọi là Chuyển luân Thánh vương.

2. là Kệ tụng, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích nghĩa, có:

1. Tập chúng có ba như phân khoa.

2. Thứ tư v.v... trở xuống là thưa hỏi, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, chiavăn, ba là kết hỏi khai đáp, bốn là Phạm Thiên đáp, như sau:

- Thuật ý chia văn, có hai:

1. Thuật ý. Phật kinh giải thích nghĩa Thiên tử. Văn này rất rõ. Nếu Nho giáo thì gọi vua, là cha trời mẹ đất, là con trời. Viện Thần Khế nói trời che đất chở gọi là thiên tử (con trời). Hai là chia văn.

2. Tùy văn giải thích nghĩa có hai: một là lược đáp, lại có:

Một là Hứa đáp.

Hai là đáp: nghĩa vương, nên kinh gọi là Nhân vương. Thụy Pháp nói: Đức Tượng trời đất nên gọi là Đế, nhân nghĩa sinh ra nên gọi là vương. Bạch Hổ Thông nói Vương là đến, tức Thiên hạ quay về với Vua.

Ba là Đáp Thiên v.v... trở xuống, là Đáp hỏi nghĩa Thiên, có hai:

1. là chỉ ra ba nghĩa, chưa vào v.v... là một nghĩa, phân Đức là một nghĩa, thêm sức là một nghĩa.

2. Dĩ hộ v.v... trở xuống là Đáp. Ba là hỏi, có ba: một là dùng Hộ thai mà đáp câu hỏi thứ hai. Chưa nhập Hộ là cũng ở Trung Ấm. Đã nhập Hộ là đã ở trong Thai tạng. Trong hai lúc này phần nhiều bị quỷ hại cho nên giả nhờ trời hộ độ. Hai là dùng phân đức mà đáp câu hỏi một, ba là dùng sức thêm đáp câu hỏi ba và bốn. Câu hỏi thứ ba là ở điện cung vua, sao gọi là Thiên? Cho nên nay trong đáp tuy ở cung người mà trời thêm sức tự tại như trời là đáp câu hỏi thứ ba. Ngăn ác khuyên thiện giúp người sinh lên cõi trời là đáp câu hỏi thứ tư. Bốn. Từ nửa v.v... trở xuống lại đáp câu hỏi nghĩa Vương, có hai: một chính là nói ba nghĩa Nhân Vương, có ba: một là chấp Nhạc gọi là Vương. Vương chấp nhạc này là nắm giữ Lễ nhạc để cai trị dân. Hiếu kinh nói: Lễ Nhạc mà dắt dẫn dân khiến hòa mục. Nhạc Ký nói: Đại Nhạc thì dễ, Đại Lễ sẽ đơn giản. Nhạc chí thì không oán, Lễ chí thì chẳng tranh. Tập Nhượng mà trị Thiên hạ là nói Lễ Nhạc. Khiến Thiên hạ khứ là nói nhạc chi hóa thành. Kinh phòng Dịch hầu nói: Thời Thái Bình cứ mười ngày có một trận mưa, một năm có ba mươi sáu trận mưa, đây là ứng với điềm thời tốt đẹp. Phong Thổ Ký nói: kịch nhưỡng thì dùng gỗ mà làm, trước rộng sau nhọn dài một thước ba, bốn tấc hình dáng như chiếc giày, Tiết tháng chạp trẻ nhỏ dùng làm trò chơi. Dật Sĩ truyện, thời vua

Nghiêu có ông già kích nhưỡng ở ngoài đường bảo rằng: Lúc mặt trời mọc thì ta làm, mặt trời lặn thì nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn. Vua đâu tốn sức có nhọc gì ta. Há chẳng phải là Đức của Chí Thánh làm ra mà bất tể huyền công khen vận, cho nên trăm họ hằng ngày chẳng biết trẻ em đùa ngựa tre (gậy tre). Vì Nhân Vương chấp Nhạc trị nước được thiên hạ hòa bình già trẻ đều ưa tánh mình.

- Nói ngăn ác gọi là vương. Tức kinh nói: La-sát ăn thịt v.v... vì ngăn bạo ác, cũng gọi là La-sát khôi quái. La-sát đứng đầu các quỷ nên các quỷ không dám làm quấy.

- Nói cha mẹ gọi là vương tức vua, là cha mẹ của dân, dạy răn họa phước, nghĩa là trái nhân nghĩa thì chịu hình phạt, đó là họa ác, Ghi chép nhân nghĩa mà trao tước lộc, là phước lành. Chế Lễ để xem xét dấu vết, làm Nhạc để hòa tâm. Nên Nhạc ký nói: Nhạc là đồng, Lễ là khác. Đồng thì thân nhau, khác thì kính nhau. Dân biết cấm là dân biết có lệnh cấm.

- Năng vi v.v... trở xuống là nói về ba nghĩa Thiên tử. Trong Nhân mà nói quả, là dùng lễ nhạc mà dạy dân sẽ sinh lên cõi trời. Cho nêu từ nếu v.v... trở xuống là đáp rộng, như sau:

1. Chia văn, giải thích nghĩa có hai:

Một là nói rộng về lỗi phi pháp, có sáu nghĩa.

Hai là nói Đắc Chánh trị, có sáu nghĩa. Sáu nghĩa này Văn Kinh trước sau đếu nói sơ mà ở đoạn trước đều chẳng chia rõ, người giảng phải dùng sáu nghĩa được mất đối văn mà tiêu, Lý nó tự hiểu.

Ba là trong đây v.v... trở xuống là bày quán nói Bản, có hai:

1. Khiến suy nghĩ nghĩa quán mà tự xét người bẩm thọ tông này phải biết ba pháp tu quán. Cho nên sớ chẳng bày khiến tự nghĩ. Nay sợ kẻ hậu học chưa thể phân biệt nên chẳng khỏi lược nói. Ba thứ này đều nhờ Sự mà quán. Nghĩa là nhờ Thế thiên mà nói Đế Cảnh, nhờ Nhân Vương quán trong nghĩa Thiên Hộ để nói Diệu quán. Ngay nơi một niệm này tánh là Nghĩa Thiên. Nương vào thiên này khiến cho quán này chẳng khởi biên đảo, gọi là Thiên Hộ Nghĩa Trung quán. Quán hợp Thiên nghĩa mà đồng Thiên Đức, chẳng phân mà phân gọi là Thiên Phân Đức là không quán. Nghĩa Thiên thần lực gia thêm Diệu quán nên trải qua các cảnh đều được viên dung, là giả quán. Lại mượn Nhân Vương mà tu Lý quán, là toàn Đế khởi quán, Trung quán song chiếu tức nghĩa cha mẹ là không quán. Phục hoặc tức là nghĩa khôi quái là giả quán. Lập pháp tức nghĩa Chấp Nhạc. Đế này, quán này đều lìa dọc ngang, chỉ ở tâm mà đủ sáu nghĩa này.

2. Đặt câu hỏi là nói về Bản, có hai:

Một là lập câu hỏi, phẩm Tứ Vương ở trên nói: Các vị vua chúa trong Diêm-phù-đề làm việc nước, soạn Thế Luận đều nhờ kinh này, đâu chẳng phải Chánh Luận lấy Kim quang minh làm gốc, muốn cho đáp bày gốc ngọn, cho nên nêu lên câu hỏi này.

Hai là Thiên giả v.v... trở xuống là đáp bày, có:

1. Chánh bày chỗ hỏi của phương Đẳng: đâu có một sự chẳng gốc ở Lý như ở Tán chỉ dịch là mật thường để xưng gọi, đâu biết tạo nên ba pháp kín mầu. Nay ở sách này tự nói tên mật mười lăm cú nghĩa. Ở đây bày rõ gốc thế danh, Chánh luận này là Phạm vương nói gốc Phạm vương. Các kinh mở làm Bồ-tát Pháp thân. Bồ-tát Pháp thân tùy chỗ ở là Thường Tịch Quang. So sánh thân với miệng hễ có nói gì đều là Bí tạng. Nay Chánh luận đã lấy Kim quang minh làm gốc, thì đâu thể sự ngọn mà trái lý gốc, nước sóng bình vàng gốc ngọn đồng thời. Vì kim quang minh có đủ pháp Thế gian tức thế danh mà nêu bày gốc. Tự đây chia làm hai:

- Nói ngọn tức là gốc, gồm có:

1. Đối với Thiên tử ba nghĩa mà bày gốc, phải nên hiểu biết trước Kim quang minh này là pháp chẳng phải dụ. Vì Pháp, Báo, Ứng là tên khác của Kim quang minh. Thiên là Đệ-nhất-nghĩa Thiên. Tử là người xưa nay chúng sinh vô thượng. Dùng Kim quang minh Diệu Tam bảo pháp làm người giả này. Người nay y chỉ vào Đệ-nhất-nghĩa thiên, vốn lìa tám Đảo là nghĩa Thiên hộ. Người này Trí quang ngầm hợp với Pháp thân. Kim Đức và pháp đồng làm nghĩa phân Đức. Người này Ứng Ích gọi là minh, là năng lực của Nghĩa thiên đã gia thêm.

2. Lại cha v.v... trở xuống là y theo ba nghĩa Nhân vương mà bày gốc Thể của Diệu giả nhân là Vàng cho nên đủ cả quyền thật, cùng với tất cả mà làm thể cha mẹ. Là quang cho nên chiếu, hoặc vốn không, tức là nghĩa ngăn ác, thể là minh cho nên sinh ra các điều lành, là đã có nghĩa chấp lạc.

3. Do đây v.v... trở xuống là ngọn từ gốc mà lập. Như trên đã nêu sáu nghĩa bày gốc. Nhân quả sáu vị đều là nghĩa này. Nghĩa này làm gốc tất cả Sự thế gian và xuất thế gian. Nay tức gốc này mà nói Chánh luận, Cơ viên giáo nghe việc trị nước mà thấu suốt gốc, bèn đốn trị bốn thứ nước.

- Như bán v.v... trở xuống là so sánh kết luận. Kinh ở một người mà đặt tên hai thứ trời, người ý nói luận này không có Thế gian và xuất thế gian.

- Giải thích phẩm Thiện Tập, như sau:

- Giải thích đề, có hai:

- Chính giải thích đề, có hai:

- Giải thích tên Thiện Tập, có hai:

- Y theo tên gọi mà rộng tập sáu Đạo Sư Thiện Hải, cho là Thuyền Sư dưới biển. Pháp lành tuy nhiều nhưng không ngoài sáu thứ này. Phụ văn tập riêng Đàn Trí, có hai:

1. Nói nhiếp sáu đàn năng nhiếp sáu trí, năng dắt dẫn năm thành tựu hai nghiêm cho nên nêu hai thứ này.

2. Đề như v.v... trở xuống là bày văn kinh, có hai:

Một là chánh bày kinh. Kinh nêu hai tướng sâu rộng này, Báu đầy bốn châu, hết sức kính thờ Tam bảo, hưng long Sự rộng, chắp tay lắng nghe. Kim quang minh chứng ngộ lý sâu.

Hai là Đàn trí v.v... trở xuống là so sánh với các hạnh khác. Tâm Vua này nhiều tập hợp thiện, chẳng khinh Đàn Trí rộng sâu. Ở văn đã thế thì nghiệm các tu khác đều như thế.

- Sáu này v.v... trở xuống là dùng Tất-đàn mà lập phẩm nêu chung sáu Độ, danh số chẳng đồng là thế giới, năm độ so với Trí lại ở Sự thiện là thuộc người. Trí Chiếu năm độ phá bỏ tướng ác, thuộc Đối trị đạt đến sáu pháp giới dứt nghĩ bàn đều đến bờ kia, gọi là Đệ-nhất-nghĩa. Vua này tập đủ Thiên bốn Tất-đàn, cho nên lấy tên ấy mà lập phẩm mục.

- Phẩm này v.v... trở xuống là nói ý đến. Luận trị quốc là Chánh Kiến ở đời, nghe Kim quang minh là thượng thượng Chánh kiến xuất thế gian. Đêm ngủ trong mộng nghe công đức Phật là cảm động Thánh và thấy Tỳ-kheo tên là Bảo. Minh là cảm động Hiền trong nhập phần Chân so với Phật gọi là Hiền, hai là giải thích văn, có hai: một là chia văn giải thích nghĩa, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có hai: một là bảo Thần đất, có hai, Phật dùng kệ nói, có hai: một là nói chung nhân Địa Hạnh đàn, hai là nói riêng khéo nhóm hợp hai Thí, nghĩa là thí tài bảo cho bốn Thiên hạ mà thỉnh nói kinh này, khiến vô lượng chúng nghe Thí pháp của Kim quang minh. Đây riêng chia làm sáu như chia văn dùng nghĩa mà giải thích. Kinh có thế Trị Chánh, tức là Thế hóa độ, như vật tạp dưới biển, là lấp đầy, là tên gọi chung các thứ vải lụa. Mạn-đà-la, Hán dịch là Thích ý, Mạn-thù-sa dịch là Nhu nhuyến. Xưa lớn nhỏ trắng, lớn nhỏ đỏ, chẳng có trống mà đánh trống. Hy di là vui vẻ. Quý là đá đẹp, kế ngọc kỳ là tên ngọc. Đang là ngọc đeo ở tai nên viết là nhĩ đang. Thương Hiệt nói: Châu đeo ở tai.

- Y theo đây v.v... trở xuống là chỉ quy ba pháp. Y theo phẩm này

mà nói về kim quang minh, ở chỗ nói này mà nói về ba pháp môn. Sớ văn chỉ nói Luận Kim quang minh, nghiệm ra ở pháp này mà đặt ba tên, thật chẳng theo thí dụ. Vì văn trước sau đều như thế. Người giảng người học đều phải biết. Nhưng vì các câu đối ba chữ, cho nên ba là pháp tánh rộng sâu, tên của Đương thể. Pháp Tánh đáng tôn đáng quý nên gọi là kim. Pháp tánh vắng lặng mà thường chiếu nên gọi là quang. Pháp tánh có công năng làm nhiều lợi ích nên gọi là minh, chẳng hai chẳng khác với các ba pháp. Nếu chỉ Sự Lý y Chánh trong phẩm tức ba thứ này thì giúp cho người tu hiểu những điều giải thích, chẳng dọc, chẳng ngang dứt hết nghĩ bàn luận bàn, thì sách này mới được gọi là Kinh vương (kinh vua) là biết đối ba sâu có lý do. Từ đây có ba:

Một là ở Thiện tập luận mà dịch Ba-la-mật gọi là Đáo Bỉ Ngạn, là chỗ về nên gọi là Kim. Bát-nhã dịch là Trí nên gọi là Quang, năm Độ là hạnh nên gọi là Minh. Đây là đối với Trí, Hạnh, quả là ba cặp Kim Quang Minh.

Hai là Y theo Bảo minh thầm luận. Quật (hang) là chỗ nương nên gọi là Kim, trăng tròn chiếu soi nên gọi là quang, đọc tụng là hành nên gọi là minh. Đây là y cứ chánh đối với ba pháp ba là y theo hai người mà nói về Bảo minh, y theo chánh và Vương hai báu đối với ba pháp. Người tu nên biết: chỉ một pháp tánh gọi là Kim quang minh, đâu thể quang minh tạm lìa kim, đâu thể kim quang tạm lìa minh. Nay dùng ba tên chia đối y Chánh tự tha nhân vật là khiến cho biết y không lìa chánh, tự chẳng lìa tha, nhân chẳng lìa vật. Vì kim quang minh nêu một tức ba, toàn ba là một, chẳng dọc, chẳng ngang, vừa cao vừa rộng, mọi vật đều là biển Kim quang minh, tâm tâm đều là ba Đức Bí Tạng. Nếu chẳng thế sao gọi là kinh vua.

Ba là Phẩm Quỷ Thần, như sau:

- Giải thích đề, có hai:
- Chánh giải Đề, có hai:
- Giải thích Quỷ thần, có hai:

1. Chính là giải thích Quỷ quy. Thi Tử nói: Người chết gọi là quy v.v... Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Tu-la đánh nhau với Thiên đế, ở trong hư không có xe đao phóng xuống, Tu-la và quân binh thân chi đứt lìa rơi xuống, sợ hãi chạy trốn trong ngó sen. Nếu giải thích, theo thế tục thì Trịnh Huyền nói: Tinh khí của bậc Thánh gọi là Thần, Tinh khí của người Hiền Trí gọi là quy. Lễ ký nói: minh thì có Lễ Nhạc, u thì có quỷ thần.

2. Giải thích Thần.

- Phẩm này v.v... trở xuống là đối với ở trên mà đề tên phẩm.

- Phẩm kế v.v... trở xuống là nói vì nguyên nhân, hai là giải thích văn, gồm có:

- Văn xuôi, có hai:

- Chánh giải thích nghĩa, có hai:

- Nêu, hai là giải thích, có hai:

1. Nêu sự, riêng Phật theo v.v... là chứng quả rồi Từ bi huân pháp hiện hình nói Pháp hóa độ người. Đây là Ứng thân, Phật trùm khắp các căn cơ từ Bản giác như mà khởi Thỉ giác Trí họp, Bản chân như gọi là Báo thân Phật, là Thỉ giác. Tất cả các pháp vốn là chỗ dạo đi của chư Phật, tức là Pháp thân Phật, là Bản giác. Ba Phật trải qua khác nhau là tu hai tánh một năng khởi sở khởi, năng hiển sở hiển thì rõ ràng khác nhau. Sự cúng khác nhau: là bốn sự cúng dường giúp giữ gìn Ứng Phật, trí xứng lý hiển phát pháp Phật, giúp thành hiển phát, đều là nghĩa cúng dường. Ba Phật đã khác, ba cúng cũng khác. Hai viên cúng dường trước có Lý Trí vì trải riêng nên chê bai là sự. Nay nghe kinh vì sự dung tức nên khen ngợi là pháp. Cúng dường Bậc nhất là không thể suy nghĩ bàn luận cúng. Năng Thính Sở thính thể chẳng phải hai, chỉ ở văn tự mà hiển rõ ba thân Năng Thuyết ứng với đức giải thoát. Năng thuyên là báo đức Bát-nhã. Sở Thuyên là đức cảu Pháp thân, chẳng hiểu tân y, chỉ nói về Năng Sở, đâu hiển bày được Viên Phật và Viên cúng ư? Văn tự nếu không phải kho bí mật sao sinh tâm cung kính chư Phật. Chẳng phải bí diệu thì đâu thể viên cúng Phật ba đời. Chú v.v... khiến như thế nào mà giải thích.

2. Lại khác v.v... trở xuống là nói nghe lại, có hai:

Một là Nêu bày, tức là bốn nguyện một khuyên.

Hai là Nếu muốn v.v... trở xuống, là giải thích ra, lại có:

1. Nói ra bốn nguyện. Muốn hỏi kinh chỉ bày người tu hành, muốn dùng vật tốt đẹp mà cúng Phật ba đời và biết chỗ hành xứ sâu xa của Phật khác. Vì sao Đại Sư dùng chữ Tri (biết) mà làm Báo Phật. Sở tri là pháp, hai hẳn thùy hình. Cho nên ba thân đều thuộc hành, nhân đã lạm quả, trái nghĩa cúng dường. Lời giải này trái kinh làm sao giữ tín? Đáp: Trước phân biệt Sự khác chính là trái với tình này. Kinh nói muốn biết đâu chẳng phải chỗ xâu xa của người tu hành. Đã là tâm của pháp thân Năng tri thì không phải, Báo Phật văn trị ứng hiện cũng chỉ tâm, nếu chúng sinh và Phật rõ ràng thì Năng sở khác hẳn. Đây xuất xứ từ Tiểu giáo, làm sao dự Viên tông. Nay ở Viên Tông mà giải thích bốn nguyện dục. Nếu mê thì ba thân của chư Phật ba đời đồng ở sát-na,

pháp giới sáu trần mau hiển bày. Diệu giải là có thể nghĩ bàn thì chính là trái kinh.

2. Nghe kinh v.v... trở xuống là nói một việc đủ bốn, Chư Phật ba đời giác trí là mạng sống, mà cùng chúng sinh đồng một tâm tánh. Thiếu huân tu nên chẳng thọ nhận cúng dường, tuổi thọ chư Phật chẳng sinh mà sinh, vì hiển là sinh. Người tu phải hiểu. Chúng sinh và Phật không khác, nghe kinh thì trí sinh, tức chư Phật hiện, vì Như Lai đồng một trí. Quán hạnh tương tự Phật phần chân cùng Phật rốt ráo không hai không khác. Lại hiển trí sinh tức ba Phật sinh, tức một mà ba chẳng dọc, chẳng ngang. Đây là muốn cùng muốn biết chư Phật ba đời. Chỉ nghe kinh một việc bốn Nguyện đều đủ.

3. Kệ tụng, có hai:

Một là Chia văn.

Hai là Cổ Đạo v.v... trở xuống là tùy giải thích khoa tiết, đều như chia văn. Chỗ nêu kinh, nếu nhập vào kinh ấy thì một lời nói của kinh sẽ có ba thứ, tức là giáo, hạnh, lý hiểu được ba thứ này là ba pháp mầu gọi là nhập kinh ấy. Nếu chẳng như thế làm sao được nhập vào kinh, tức là vào pháp tánh vô lượng sâu xa. Ba nghĩa đầy đủ gọi là Kim Quang Minh. Xứng đây an trụ nên gọi là Như, tức thấy Đức Thích-ca ba thân diệu thể phải luận quán hạnh tương tự phần chân nhập vào kinh thấy Phật. Kinh nói nếu trong trăm do-tuần đầy khắp lửa dữ mà phải đi qua đó thì cũng phải vì pháp quên mình mà đi qua. Kinh gọi Văn-thù-sư-lợi là Diệu Đức, Di-lặc là Từ Thị, thuyết văn gọi là đa lực. Năm là Nêu năng lực đến nỗi trời rồng khuyên tu có hai: Một là lại hiện văn sớ từ Ma-hê v.v... trở xuống vua Diêm-ma-la hoặc Diêm-ma-la-xã, Hán dịch là Song vương. Diêm-ma là Song, La-xã là Vương, anh và em gái đều làm chủ địa ngục. Anh coi việc nam, em coi việc nữ, nên gọi là song. Na-la-diên, Hán dịch là Câu-tỏa Lực Sĩ. Nan-đà dịch là Hỷ. Bạt-nan-đà dịch là Hiền Hỷ là hai anh em, Rồng lo việc mưa gió đúng lúc, khiến cho người vui. Hiền là tánh, lại hiền là thiện. Tỳ-ma-chất-đa dịch là Tịnh Tâm. Kinh Chánh Pháp Niệm dịch là Hưởng cao, cũng dịch là Huyệt cư. Gọi đúng là Phê-ma-chất-trớ-lị, dịch là Khỉ Hoạch, lại dịch là Bảo Sức, là xá-chi cha vợ của Đế Thích. Khư-la-khiên-đà dịch là Quảng tỳ. Thoát nhân tức giải đoạn đầu Thoát nhân v.v... Đoạn đầu văn nói khiến cho tất cả chúng sinh giải thoát, vượt khỏi vô lượng khổ, biển lớn các Hữu. Đã nói tất cả chúng sinh giải thoát vượt qua các biển Hữu. Phải ở giới nội cho đến giới ngoại đều thoát ba chướng, cho nên dùng nhân quả mà đối lại nghiệp báo. Các Hữu do hoặc nên bị phiền

não. Kinh nói: Hoa Ưu-bát-la v.v... trở xuống là bốn câu bốn sắc. Ưu- bát-la là hoa sen xanh, Ba-đầu-ma là hoa sen đỏ, Câu-vật-đầu là hoa sen vàng, Phân-đà-lỵ là hoa sen trắng.

■